



NATIONAL INTEGRITY SYSTEM
Hệ thống Liêm Chính Quốc gia
BÁO CÁO TÓM TẮT

Việt Nam

I. Trưởng nhóm nghiên cứu

Tiến sĩ Martin Gainsborough

Giám đốc Dự án Bristol-Việt Nam

Đại học Bristol

II. Tóm tắt về Việt Nam và tình hình tham nhũng

Việt Nam là quốc gia có chế độ một Đảng Cộng Sản, đang trong quá trình thay đổi nhanh chóng về kinh tế và xã hội. Cải cách theo hướng thị trường, gọi theo tiếng Việt là đổi mới, chính thức bắt đầu từ 1986, đã từng bước làm thay đổi bộ mặt nền kinh tế Việt Nam. Kể từ cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997-98, Việt Nam liên tục đạt được mức tăng trưởng GDP 7-8%/năm. Kể từ khi công cuộc đổi mới bắt đầu, Việt Nam đã nổi lên trên sân khấu quốc tế với vai trò là một nước xuất khẩu lớn về sản phẩm sơ chế và hàng chế tạo công nghệ thấp. Mặc dù đã trải qua gần hai thập niên đổi mới, tư tưởng kế hoạch hóa tập trung và hành chính xã hội chủ nghĩa vẫn rất nặng nề. Bệnh hành chính quan liêu có mặt trong phần lớn đời sống xã hội và kinh doanh, và việc có được mối quan hệ - và tiền - là yếu tố cốt yếu để giải quyết công việc.

Trong quá trình cải cách, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã khẳng định rõ là không chấp nhận sự xuất hiện của các đảng đối lập. Sự đổi lập chính trị công khai bị xử lý triệt để. Trên thực tế, cải cách chính trị tập trung vào việc bắt buộc các đảng viên phải tuân thủ pháp luật, nâng cao sự tham gia của người dân vào các quyết định có ảnh hưởng đến họ, và tăng cường vai trò giám sát của Quốc hội đối với chính phủ. Trong khi những thay đổi về các khía cạnh này là không đáng kể, thì hệ thống pháp luật vẫn rất kém phát triển, và việc hạn chế và kiểm soát quyền lực chính trị vẫn rất yếu. Hệ thống tư pháp và các phương tiện thông tin đại chúng không hoàn toàn độc lập với sự can thiệp chính trị.

Đảng và Chính phủ đã xác định tham nhũng là nguy cơ đe dọa sự phát triển kinh tế và chính trị. Một số quan chức chính trị bắt đầu cho rằng tham nhũng dường như đang được thể chế hóa ở Việt Nam, nhưng quan điểm này vẫn còn khá mới trong giới quan chức ngay cả khi quan điểm đó cũng có cơ sở. Có ít các nghiên cứu có tính hệ thống về tham nhũng ở Việt Nam. Đa số các ý kiến đánh giá dựa vào các cuộc khảo sát trong nước. Việt Nam luôn bị xếp hạng kém mặc dù mức độ tham nhũng nói chung cũng tương đương với các nước khác có cùng mức độ phát triển. Cuối năm 2005, Ban Nội chính Trung ương Đảng, với sự hỗ trợ của Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển, đã đưa ra một dự thảo báo cáo về tham nhũng ở Việt Nam. Dưới tiêu đề Khảo sát chuẩn đoán, nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát khoảng 5.500 người ở khắp mọi tầng lớp xã hội. Nghiên cứu phát hiện rằng gần một phần ba công chức và viên chức nhà nước sẵn sàng nhận của đút lót. Trên 50% công chức và viên chức nói rằng các cơ quan trung và cao cấp có liên quan đến tham nhũng.

Ngoài một số ít các nghiên cứu thực tế, các nghiên cứu khác về tham nhũng ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào lĩnh vực kinh doanh. Cuộc Khảo sát Môi trường Đầu tư của Ngân hàng Thế giới năm 2005 gần đây là một ví dụ. Cuộc khảo sát này phát hiện rằng tham nhũng có tầm quan trọng khá thấp đối với kinh doanh ở Việt Nam, mặc dù mức độ tham nhũng như thế nào vẫn còn là một vấn đề. Hầu hết các nghiên cứu đều đồng ý rằng tham nhũng là một vấn đề nghiêm trọng, tồn tại dưới mọi hình thức từ nhỏ đến lớn.

Về các nguyên nhân của tham nhũng, những yếu tố được đề cập đến nhiều nhất là thiếu sự theo dõi và giám sát đối với những người có quyền lực, người dân không tự giác phát hiện tham nhũng do lo sợ gặp rắc rối, và lương thấp. Các hậu quả của tham nhũng thường được nhắc đến nhiều nhất là các hậu quả về kinh tế, chẳng hạn như thất thoát tài sản của nhà nước hoặc cơ hội kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, các quan chức chính trị cũng nói rằng nếu không được hạn chế thì tham nhũng có thể đe dọa sự sống còn của Đảng.

III. Tóm lược các hoạt động chống tham nhũng gần đây

Cho tới gần đây, các hoạt động chống tham nhũng của Chính phủ tập trung nhiều vào phát hiện và xử phạt hơn là phòng ngừa. Với việc soạn thảo và thông qua Luật Phòng chống tham nhũng năm 2005, trọng tâm giờ đây được nhấn mạnh hơn vào việc phòng ngừa, nhất là về vai trò của xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng trong đấu tranh chống tham nhũng. Tuy

nhiên, vẫn có ý kiến nghi ngờ về khả năng và tinh thần tự giác của người dân và các phương tiện thông tin đại chúng trong việc thực hiện vai trò giám sát này trong bối cảnh thiếu sự độc lập của các phương tiện thông tin đại chúng và sự bảo vệ không thỏa đáng cho những người tố cáo tham nhũng. Hơn nữa, cuộc đấu tranh chống tham nhũng vẫn chỉ được triển khai một cách có lựa chọn với việc những người có quyền lực chính trị và có tiền thường có khả năng thoát tội.

Có rất nhiều các yếu tố khác nhau thúc đẩy – và cản trở – công cuộc cải cách trong lĩnh vực chống tham nhũng. Về các yếu tố thúc đẩy, đầu tiên là sự nguy hại mà tham nhũng gây ra đối với sự vững mạnh của Đảng. Nạn tham nhũng cũng đã gây xôn xao dư luận quần chúng. Sự gia tăng chú ý của cộng đồng quốc tế đối với tham nhũng cũng là một yếu tố thúc đẩy cải cách ở Việt Nam, trong khi các hoạt động chống tham nhũng cũng xuất phát từ mong muốn từ phía Chính phủ nhằm bảo vệ cho các nhà đầu tư nước ngoài. Sự chống đối cải cách trong lĩnh vực chống tham nhũng thường xuất phát từ những quan chức chính trị và cán bộ mà bản thân có liên quan đến tham nhũng. Sự chống đối cũng tồn tại do tính bảo thủ trong các tổ chức chính trị, nhất là những vấn đề liên quan đến quần chúng xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng trong đấu tranh chống tham nhũng.

Nói chung, các hoạt động chống tham nhũng đáng kể ở Việt Nam bắt đầu từ năm 1998, lên đến cực điểm khi thông qua Luật phòng chống tham nhũng lần đầu tiên vào năm 2005. Chính phủ đã ký tham gia Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc vào tháng 12 năm 2003, mặc dù vẫn chưa được phê chuẩn. Chính phủ cũng đã tham gia Sáng kiến của ADB/OECD về chống tham nhũng đối với khu vực Châu Á và Thái Bình Dương vào tháng 6 năm 2004. Trọng tâm cốt yếu trong thời gian tới là triển khai Luật phòng chống tham nhũng, mặc dù chống tham nhũng cũng cần được chú trọng ở một loạt các lĩnh vực chính sách khác.

IV. Tóm tắt các phát hiện về Hệ thống Liêm Chính Quốc gia, cả ở cấp độ quy định pháp luật và hoạt động thực tế

Nói chung, Hệ thống Liêm Chính Quốc gia của Việt Nam (NIS) hoạt động không tốt và các cơ chế ngăn chặn tham nhũng hoặc là còn thô sơ hoặc kém được thực thi. Vài năm qua, cả Chính phủ và các tổ chức quốc tế đã tăng cường chú trọng đến vấn đề tham nhũng. Hiện người ta nhận thức rõ hơn bao giờ hết rằng tham nhũng là một vấn nạn và tham nhũng là nội dung được đề cao trong các nhiệm vụ chính trị. Việc thông qua Luật phòng chống tham nhũng đầu tiên vào cuối năm 2005 là một dấu mốc quan trọng. Luật này chuyển trọng tâm đấu tranh chống tham nhũng từ việc giải quyết các vụ việc, đây là cách tiếp cận chủ yếu cho tới nay, sang phòng ngừa (tức là thay đổi cơ cấu khuyến khích quản trị tham nhũng). Trọng tâm chủ yếu trong Luật là vai trò giám sát của quần chúng và các phương tiện thông tin đại chúng trong phòng chống tham nhũng. Trong khi đây chắc chắn là cách tiếp cận đúng đắn, thì quần chúng và các phương tiện thông tin đại chúng hiện không đủ khả năng thực hiện vai trò này. Luật phòng chống tham nhũng cũng yêu cầu thành lập hệ thống kê khai tài sản. Hiện vẫn chưa hoàn toàn rõ hệ thống này sẽ hoạt động ra sao. Tuy nhiên, kinh nghiệm của các nước khác cho thấy sẽ cần phải có thời gian để có được một hệ thống kê khai tài sản hoạt động hiệu quả. Hơn nữa, Luật phòng chống tham nhũng chủ yếu tập trung vào đấu tranh chống tham nhũng trong khu vực nhà nước. Luật này rất ít đề cập đến tham nhũng trong khu vực tư nhân, mặc dù ở Việt Nam có quy định chung cấm hành vi thông đồng trong mua sắm công.

Xem xét từng trụ cột của hệ thống NIS, có thể thấy những điểm mạnh và điểm yếu chính như sau:

Hệ thống hành pháp chú ý đến tham nhũng nhiều hơn so với trước đây. Tuy nhiên, cách tiếp cận chống tham nhũng của hệ thống này mang tính manh mún và trách nhiệm giải trình nói chung là thấp.

Hệ thống lập pháp ở Việt Nam trở nên kiên quyết hơn, nhưng năng lực của hệ thống này trong việc giám sát Đảng hay hệ thống hành pháp vẫn rất hạn chế.

Đảng đã xử phạt một số lượng đáng kể các cán bộ có hành vi tham nhũng trong năm năm qua, nhưng có ý kiến cho rằng đó chỉ là phần nổi của tảng băng. Trong điều kiện thiếu cạnh tranh về chính trị, có nhiều ý kiến nghi ngại về khả năng tự kiểm soát mình của Đảng.

Ở Việt Nam không có bầu cử suốt đời. Tuy nhiên, trong điều kiện mức độ cạnh tranh bầu cử còn hạn chế, tham nhũng trong quá trình bầu cử chưa phải là vấn đề đáng quan tâm.

Kiểm toán Nhà nước gần đây đã được chính thức tách độc lập với Chính phủ trong khi luật kiểm toán đang được soạn thảo. Tuy nhiên, hiện Kiểm toán Nhà nước vẫn còn yếu và có rất ít bằng chứng cho thấy Chính phủ thực hiện các khuyến nghị của kiểm toán.

Hệ thống tư pháp không có tính độc lập ở bất kỳ cấp độ nào. Tham nhũng trong lĩnh vực tòa án không được coi trọng, mặc dù điều này có thể phản ánh sự thiếu hiểu biết hơn là tình hình thực tế.

Bộ máy dân chính gắn chặt với các tổ chức chính trị. Tham nhũng là căn bệnh đặc thù, và theo quy luật, các quan chức chỉ ngại trách nhiệm giải trình đối với những việc làm của mình. Cho tới nay, cải cách hành chính trên thực tế có rất ít tác động cắt giảm tham nhũng hay nâng cao trách nhiệm giải trình.

Người ta rất sợ các cơ quan thực thi pháp luật ở Việt Nam và các cơ quan này bị cho là có hiện tượng ăn hối lộ, nhất là công an. Thanh tra Nhân dân không có tính độc lập với Đảng.

Các cải cách về mua sắm công kể từ cuối những năm 1990 đã cố gắng đi theo thông lệ đấu thầu rộng rãi và cạnh tranh. Tuy nhiên, tình trạng phổ biến vẫn là thiếu cạnh tranh và đấu thầu rộng rãi. Hậu quả là, tham nhũng trong lĩnh vực mua sắm vẫn tràn lan.

Cơ chế tiếp nhận ý kiến khiếu kiện của người dân rất nhiều khi làm cho những người dân khiếu kiện thường phải gặp hết cơ quan này đến cơ quan khác mà không được giải quyết. Nhìn chung, người dân rất ngại khiếu kiện vì sợ gặp thêm rắc rối.

Thanh tra Chính phủ về danh nghĩa là cơ quan đầu mối chống tham nhũng, nhưng trên thực tế Việt Nam có nhiều cơ quan tham gia chống tham nhũng, gây ra vấn đề phối kết hợp. Thanh tra Chính phủ cũng không hoàn toàn nghiêm túc thực hiện và cũng là mục tiêu của tham nhũng.

Các phương tiện thông tin đại chúng trở nên tích cực hơn trong lĩnh vực chống tham nhũng, nhưng vẫn rất dễ bị chi phối bởi cơ quan kiểm duyệt.

Các tổ chức dân sự những năm gần đây đã mọc lên như nấm, nhưng Chính phủ vẫn lo ngại về sự tồn tại của một thế giới tự chủ bên ngoài nhà nước. Hậu quả là các tổ chức dân sự bị hạn chế về lĩnh vực hoạt động và hiện vẫn chỉ là một "người chơi nhỏ bé" trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Tham nhũng trong lĩnh vực kinh doanh mang tính phổ biến và các quy định pháp luật về tham nhũng trong khu vực tư nhân vẫn còn kém phát triển. Minh bạch và công khai chỉ mang tính ngoại lệ chứ không phải là quy định bắt buộc chung.

Hệ thống các cơ quan chính phủ được giao nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng được lặp lại ở cấp địa phương. Tuy nhiên, các cơ quan này phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ với chính quyền địa phương để có thể hoạt động hiệu quả. Trách nhiệm giải trình trước công chúng dường như càng kém nếu càng cách xa Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những năm qua, các tổ chức quốc tế đã trở nên tích cực hơn trong lĩnh vực chống tham nhũng. Trong khi các tổ chức này đóng một vai trò quan trọng trong việc đề cao vấn đề tham nhũng trong nhiệm vụ chính trị ở Việt Nam, thì thách thức hiện nay là phải phát huy kết quả này.

Ngoài những điểm mạnh và điểm yếu của riêng từng trụ cột, thì có thể thấy còn rất nhiều vấn đề về vận hành trong hoạt động của NIS đối với hầu hết tất cả các trụ cột. Những vấn đề đó là:

1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề tham nhũng nói chung mang tính manh mún. Ở những lĩnh vực mà Chính phủ có kế hoạch hoặc chiến lược, thì không có bằng chứng cho thấy các kế hoạch hoặc chiến lược này được triển khai một cách nhất quán giữa các định chế. Hơn thế nữa, chỉ một số ít các định chế có vai trò chính trong NIS đang áp dụng cách tiếp cận có hệ thống để giải quyết vấn đề tham nhũng trong phạm vi thẩm quyền

của mình, ngay cả khi những định chế này được giao nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng ở những lĩnh vực khác.

2. Việc tham nhũng có bị phát hiện, điều tra hoặc truy tố hay không thường là có sự chi đạo chính trị. Tức là, những người có quyền lực chính trị có thể thoát khỏi bị điều tra và truy tố, trong khi các vụ việc tham nhũng thường được sử dụng để tranh giành chính trị. Đảng và Chính phủ đã cam kết loại bỏ tận gốc nạn tham nhũng, bất kể người nào có liên quan, nhưng ít người tin rằng điều này có thể xảy ra trên thực tế.
3. Có sự ganh đua đáng kể giữa các cơ quan và tranh cãi về quyền thực thi pháp luật giữa các định chế được giao nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng. Luật phòng chống tham nhũng năm 2005 cho phép thành lập một Ủy ban Chỉ đạo Quốc gia về Chống tham nhũng dưới quyền Thủ tướng, nhưng vẫn có nhiều ý kiến quan tâm về mức độ hiệu quả của Ủy ban này sẽ như thế nào trong việc điều phối các tổ chức khác nhau cùng tham gia đấu tranh chống tham nhũng.
4. Thói quen gia đình chủ nghĩa có tính phổ biến trong tất cả các định chế nhà nước đóng vai trò quan trọng trong NIS, cho dù về danh nghĩa có các hệ thống bổ nhiệm dựa trên cơ sở năng lực phẩm chất. Quy tắc ứng xử, nếu có, ít được thực thi. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp xử lý các xung đột lợi ích. Việc sử dụng quỹ đen là chuyện bình thường.
5. Cho dù có một truyền thống tương đối mạnh trong việc lấy ý kiến người dân thông qua các tổ chức quần chúng, thì việc tham vấn ý kiến người dân thực tế khá là hình thức và có phạm vi hẹp. Các định chế nhà nước có xu hướng ngồi nhà giữ yên lặng thay vì cởi mở.
6. Trong khi có các cơ chế khiếu kiện nội bộ và đối với người dân, thì nhìn chung có tâm lý ngại sử dụng các cơ chế này do những người khiếu kiện ngại va chạm. Có sự gia tăng nhỏ về số lượng khiếu kiện chính thức của người dân trực tiếp nhằm vào các quan chức chính phủ cấp thấp, nhưng sự gia tăng này là không đáng kể. Việc giữ kín tên hoặc bảo vệ cho những người tố cáo không được đảm bảo.

Trong điều kiện hệ thống NIS của Việt Nam hiện hoạt động không hiệu quả, rất khó để xác định bất kỳ trụ cột nào đang đi tiên phong và gánh trách nhiệm cho những trụ cột còn lại. Đảng, cơ quan hành pháp và lập pháp xứng đáng được khen ngợi vì đã chú trọng đến vấn đề tham nhũng, mặc dù điều này vẫn chưa được biến thành các kết quả cụ thể. Có nghĩa là, việc thông qua Luật phòng chống tham nhũng năm 2005 thể hiện một bước đi đúng hướng. Có một số bằng chứng cho thấy Thanh tra Chính phủ đang trở thành một định chế mạnh hơn, nhưng đây cũng vẫn chỉ là một trong số các cơ quan cần thiết và không thể nói cơ quan này đang hoạt động hiệu quả trong đấu tranh chống tham nhũng. Các phương tiện thông tin đại chúng bắt đầu đóng vai trò tích cực hơn trong đấu tranh chống tham nhũng, nhưng đây là sự phát triển khá mới mẻ và các phương tiện thông tin đại chúng vẫn bị hạn chế đáng kể do thiếu tính độc lập. Các trụ cột đang hoạt động kém hiệu quả hơn bao gồm kiểm toán nhà nước, bộ máy hành chính, tính thực thi pháp luật, hợp đồng dân sự, cán bộ thanh tra, khu vực kinh doanh, chính phủ trung ương và địa phương. Có rất nhiều nguyên nhân của sự kém hiệu quả này. Sự ganh đua giữa các thể chế, sự tranh giành lợi ích, sự nhiệt tình về mặt chính trị còn chưa rõ, bệnh tham nhũng, và sự phân định không rõ ràng giữa Đảng, bộ máy hành pháp và các cơ quan như cơ quan lập pháp, kiểm toán nhà nước, tòa án, dân chính, thực thi pháp luật, cán bộ thanh tra, và cơ quan chống tham nhũng, đã hạn chế khả năng hoạt động hiệu quả của hầu hết các trụ cột khác xét cả ở khía cạnh riêng lẻ lẫn tổng thể. Sự không hợp lý về nhân sự, tiền lương và phân bổ ngân sách cũng hạn chế tính hiệu quả của nhiều trụ cột trong đấu tranh chống tham nhũng. Cũng cần nhớ rằng việc gia tăng chú trọng đến tham nhũng cũng chỉ mới đây và điều này cũng giải thích một phần tại sao nhiều trụ cột không hoạt động hiệu quả.

Thực tế là các phương tiện thông tin đại chúng, xã hội và các tổ chức quốc tế đang cùng phối hợp thúc ép nâng cao tinh thần tự giác tập trung vào tham nhũng và cam kết cao hơn về tính minh bạch của Chính phủ. Tuy nhiên, không có sự phối hợp rõ ràng giữa các tác nhân này và vai trò của xã hội – vì năng lực vẫn rất yếu – khá là manh mún và không có tính phối hợp trong lĩnh vực đấu tranh chống tham nhũng.

Có một khoảng cách khá lớn giữa các quy định chính thức điều chỉnh hệ thống NIS và các hoạt động thực tế trong cuộc sống. Đây là điều phổ biến trong hầu hết các lĩnh vực chính trị, kinh

tế và đời sống xã hội ở Việt Nam. Nguyên nhân của sự không nhất quán liên quan đến vấn đề tham nhũng là do thực tế quyền lực chính trị thường vượt trên pháp luật, gia đình chủ nghĩa tràn lan, và các quan chức có thể nhận hối lộ một cách khá dễ dàng. Quyền thực thi pháp luật chông chéo, các quy định không rõ ràng và năng lực nhà nước yếu kém là một phần của vấn đề, nhưng có ý kiến cho rằng những vấn đề này chỉ là thứ yếu so với các vấn đề chính trị và quan điểm nêu ở trên.

Chiến lược chống tham nhũng hiện nay của Chính phủ như đã nêu trong Luật phòng chống tham nhũng mới đây khá là tham vọng. Thậm chí một sự tiến bộ nhỏ trong triển khai luật này cũng có thể giúp nhà nước “đảo ngược cuộc chơi” đấu tranh chống tham nhũng. Tuy nhiên, với cách thức mà NIS hiện đang hoạt động, có lẽ cần phải mất vài năm để Luật phòng chống tham nhũng thực sự có hiệu lực. Trong khi đó, điều thực tế đang xảy ra trong cuộc sống, xét theo khía cạnh các hoạt động chống tham nhũng, vẫn còn rất hạn chế, nhưng đây cũng là điều có thể dự đoán được với bản chất thực sự của NIS.

V. Tóm tắt các ưu tiên và khuyến nghị

Việc lần đầu tiên thông qua Luật phòng chống tham nhũng vào cuối năm 2005 đem lại một cơ sở vững chắc để dựa vào đó tiến hành cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Trong vài năm tới, sẽ cần phải chú trọng việc giám sát quá trình triển khai và xử lý các vấn đề nảy sinh. Có thể sẽ có nhiều việc phải làm để xây dựng một hệ thống kê khai tài sản hiệu quả. Cần phải cố gắng và phát triển nhiều hơn nữa sự gắn kết về mặt thể chế đối với các tổ chức trọng yếu có nhiệm vụ chống tham nhũng. Về khía cạnh này, điều quan trọng là phải xem xét các tổ chức khác nhau phối hợp với nhau như thế nào chứ không phải chỉ xem xét từng tổ chức riêng lẻ.

Điều cốt yếu là không được nhìn nhận cuộc đấu tranh chống tham nhũng một cách thuần túy theo khía cạnh kỹ thuật. Làm trong sạch hệ thống hành pháp, cải thiện khuôn khổ pháp luật, và tăng cường năng lực đều rất quan trọng. Tuy nhiên, tất cả những điều này sẽ không đem lại kết quả mong muốn trừ khi nhận thức được rằng tham nhũng xét về bản chất là một vấn đề chính trị. Luật phòng chống tham nhũng đề cao vai trò giám sát của quần chúng nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng. Cần phải lưu tâm làm sao để điều này trở thành sự thực. Thêm vào đó, cần phải chú trọng đến tham nhũng trong khu vực tư nhân bằng cách phát triển các quy tắc ứng xử và các quy định đặc biệt chống đưa hối lộ. Các tổ chức quốc tế có vai trò quan trọng giúp đỡ Chính phủ trong đấu tranh chống tham nhũng một cách toàn diện.

Vẫn còn nhiều điều chúng ta chưa biết về tham nhũng ở Việt Nam. Các nghiên cứu quốc tế gợi ý rằng các loại hình tham nhũng khác nhau sẽ có tác động khác nhau đối với sự phát triển. Hiểu được những vấn đề này là rất quan trọng nếu chúng ta muốn xây dựng một cách tiếp cận có trọng tâm nhằm giải quyết vấn đề tham nhũng ở Việt Nam. Có thể hữu ích nếu tiến hành các nghiên cứu trong lĩnh vực này cũng như các lĩnh vực khác.